

# Nguyên tắc công bằng trong phân định thềm lục địa và các vùng biển trong Luật Quốc tế hiện đại

Nguyễn Hùng Cường

*Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 20 tháng 9 năm 2014

Chỉnh sửa ngày 28 tháng 11 năm 2014; Chấp nhận đăng ngày 18 tháng 12 năm 2014

**Tóm tắt:** Nguyên tắc công bằng là nguyên tắc cơ bản và nền tảng trong phân định biển nói riêng và phân định thềm lục địa nói chung. Bài viết tập trung phân tích nội dung của nguyên tắc công bằng trong tiến trình phát triển của luật biển quốc tế, thực tiễn của việc áp dụng nguyên tắc công bằng trong phân định thềm lục địa và các vùng biển tại các thiết chế tài phán quốc tế và từ đó đưa ra kiến nghị và đề xuất đối với việc vận dụng nguyên tắc công bằng trong phân định thềm lục địa tại Việt Nam.

*Từ khóa:* Nguyên tắc công bằng, phân định biển, phân định thềm lục địa.

## 1. Nguyên tắc công bằng trong luật biển quốc tế hiện đại

Nguyên tắc công bằng được sử dụng như là một trong những nguyên tắc cơ bản và nền tảng của pháp luật quốc tế hiện đại nói chung và luật biển quốc tế nói riêng. Trong lĩnh vực luật biển, nguyên tắc này được hình thành và phát triển cùng với thực tiễn phân định thềm lục địa và các vùng biển giữa các quốc gia láng giềng cũng như tiến trình phát triển của luật biển quốc tế với những dấu mốc quan trọng về các hội nghị quốc tế về luật biển, cùng với sự ra đời của các Công ước Geneva năm 1958<sup>1</sup>, Công ước Luật biển năm 1982 (UNCLOS).

\* ĐT: 0983 750 769

Email: cuongnguyenhungvn@gmail.com

<sup>1</sup>- Công ước về lãnh hải và vùng tiếp giáp lãnh hải (có hiệu lực từ ngày 10/9/1964, 48 quốc gia là thành viên);

Đã trải qua hơn 50 năm, kể từ khi các đề xuất cụ thể về một số nguyên tắc cơ bản áp dụng cho việc tạo lập và phân định đường biên giới (ranh giới) biển được đưa ra bởi các cơ quan khác nhau, tiêu biểu là Ủy ban Luật quốc tế (ILC), Hội nghị lần thứ nhất của Liên hợp quốc về luật biển, Tòa án Công lý quốc tế (ICJ), Hội nghị lần thứ ba của Liên hợp quốc về Luật biển và các thiết chế trọng tài [1].

Dự thảo các điều khoản cuối cùng của Ủy ban Luật quốc tế đã hướng tới ba yếu tố về phân định biển: sự thỏa thuận, cách đều, và các hoàn cảnh đặc biệt (agreement, equidistance,

---

- Công ước về biển cả (có hiệu lực từ ngày 30/9/1962, 59 quốc gia là thành viên);

- Công ước về đánh cá và bảo tồn các tài nguyên sinh vật của biển cả (có hiệu lực từ ngày 20/3/1966, 36 quốc gia là thành viên);

- Công ước về thềm lục địa (có hiệu lực từ ngày 10/6/1964, 54 quốc gia là thành viên).

and "special circumstances"). Ủy ban này khẳng định rằng đã đưa ra các nguyên tắc tương tự nhau cho phân định vùng lãnh hải và thềm lục địa [1].

Hội nghị Geneva năm 1958 đã tạo ra sự thúc đẩy cho các đề xuất này trên cơ sở đề xuất của NaUy. Các quy định đối với phân định lãnh hải trong Điều 12 Công ước về lãnh hải và vùng tiếp giáp lãnh hải được Ủy ban soạn thảo đã quy định rằng các quốc gia không được quy định đường ranh giới phân định lãnh hải vượt quá đường trung tuyến trong trường hợp không có sự thỏa thuận<sup>2</sup>. Tuy nhiên, không có bất kỳ sự hạn chế tương tự nào trong nguyên tắc phân định thềm lục địa xuất hiện trong Công ước Geneva về thềm lục địa (Công ước 1958) mà Điều 6 của Công ước này quy định rằng nguyên tắc cơ bản cho việc phân định thềm lục địa sẽ là nguyên tắc thỏa thuận và nếu như không có thỏa thuận thì nguyên tắc đường trung tuyến hoặc đường cách đều sẽ được áp dụng, trừ khi có "hoàn cảnh đặc biệt"<sup>3</sup>. Có thể nhận thấy, thuật ngữ "các hoàn cảnh đặc biệt" vẫn được duy trì một cách mơ hồ trong cả hai Công ước và như vậy cơ sở hợp lý cho việc tiếp cận và

tuân theo nguyên tắc công bằng trong phân định biển theo các yếu tố thỏa thuận và các hoàn cảnh đặc biệt vẫn chưa rõ ràng.

Trong vụ Thềm lục địa Biển Bắc 1969, ICJ đã nhấn mạnh rằng Điều 6 Công ước 1958 gần như nhắc lại nguyên khuôn mẫu dự luật của ILC, và quan trọng là Ủy ban này đưa ra những quy tắc trên với nhiều lưỡng lự, trên danh nghĩa thử nghiệm, hơn là thực sự đưa ra một quy tắc rõ ràng. Ngoài ra, đây là một điều khoản mà theo đó tất cả các quốc gia có thể đưa ra các bảo lưu. Điều này mâu thuẫn với một ý tưởng về luật tập quán chung - dường như các quốc gia ký kết đã không coi Điều 6 như một tuyên bố về nguyên tắc phân định thềm lục địa đã tồn tại từ trước hoặc đang trong quá trình hình thành. Mặc dù trong vụ này Hà Lan và Đan Mạch cho rằng, ngay cả khi các quy tắc phân định không xuất hiện trong quá trình soạn thảo Công ước 1958, nó cũng đã xuất hiện một phần do sự ảnh hưởng của chính Công ước này, một phần do thực tiễn sau này của các quốc gia. Tuy nhiên, Tòa đã lập luận rằng để đem lại một hiệu lực tập quán như vậy cho quy định của Điều 6 thì cần phải coi điều khoản này có một tính chất quy phạm tiềm ẩn. Tuy nhiên, các quốc gia với trách nhiệm chủ yếu thực hiện hoạch định ranh giới bằng con đường thỏa thuận, với vai trò tự diễn giải các "hoàn cảnh đặc biệt" cũng như khả năng đưa ra các bảo lưu đối với điều này đã tước bỏ tính quy phạm của nó. Tòa đã nhận mạnh rằng Điều 6 Công ước 1958 không phải là một phần của luật tập quán, và theo Tòa, luật tập quán trong áp dụng phân định biển bị tác động bởi nguyên tắc công bằng [2]. Như vậy, có thể thấy rằng, trong trường hợp hoạch định thềm lục địa có tính đến yếu tố công bằng thì giá trị hiệu lực thực sự của nguyên tắc này được ghi nhận trong Công ước 1958 chưa mang tính rõ ràng và thực chất.

<sup>2</sup> Điều 12 Khoản 1 Công ước về lãnh hải và vùng tiếp giáp lãnh hải: "Trường hợp hai quốc gia có đường bờ biển tiếp liền hay đối diện, không quốc gia nào có quyền, trừ trường hợp có thỏa thuận ngược lại, mở rộng lãnh hải vượt quá đường trung tuyến mà mỗi điểm trên đó đều cách đều điểm gần nhất đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải của mỗi quốc gia. Tuy nhiên, những quy định trong điều này sẽ không áp dụng khi có sự xuất hiện danh nghĩa lịch sử hoặc hoàn cảnh đặc biệt đòi hỏi phải phân định lãnh hải theo một cách khác mà sự thay đổi là cần thiết."

<sup>3</sup> Điều 6 Khoản 1 và 2 Công ước về thềm lục địa quy định: Trường hợp thềm lục địa chung tiếp giáp với lãnh thổ của hai hay nhiều quốc gia có đường bờ biển đối diện/kề cận nhau, đường ranh giới của thềm lục địa các quốc gia sẽ được xác định bằng thỏa thuận giữa những quốc gia đó. Trong trường hợp thiếu thỏa thuận như vậy, và trừ khi đường ranh giới này được điều chỉnh bởi những hoàn cảnh đặc biệt, đường ranh giới sẽ là đường trung tuyến/đường cách đều mà các điểm trên đó cách đều các điểm gần nhất của đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải của mỗi quốc gia.

Tại Hội nghị lần thứ ba về Luật biển, có hai nhóm đối lập “nhóm đường trung tuyến” (“median line group”) tiếp cận theo Điều 6 Công ước 1958 và “nhóm các nguyên tắc công bằng” (“equitable principles group”) tiếp cận theo các kết luận của ICJ trong vụ thêm lục địa biển Bắc. Kết quả của cuộc tranh luận giữa các bên đã dẫn tới việc hủy bỏ Điều 6 Công ước 1958 và thay thế bằng Điều 83 về phân định thêm lục địa giữa các quốc gia có bờ biển tiếp liền hoặc đối diện trong UNCLOS [1].

Trong UNCLOS, nguyên tắc công bằng được quy định tại các Điều 74 và Điều 83 về phân định đặc quyền kinh tế và thêm lục địa giữa các quốc gia có bờ biển tiếp liền hoặc đối diện.

Điều 74 và Điều 83 UNCLOS quy định:

1. Việc hoạch định ranh giới vùng đặc quyền kinh tế/thêm lục địa giữa các quốc gia có bờ biển tiếp liền hay đối diện nhau được thực hiện bằng con đường thỏa thuận theo đúng với pháp luật quốc tế như đã nêu ở Điều 38 Quy chế Tòa án quốc tế để đi đến một giải pháp công bằng.

2. Nếu không đi tới được một thỏa thuận trong thời gian hợp lý thì các quốc gia hữu quan sử dụng các thủ tục nêu ở phần XV Công ước.

3. Trong khi chờ ký kết thỏa thuận nói ở khoản 1, các quốc gia hữu quan, trên tinh thần hiểu biết và hợp tác, làm hết sức mình để đi đến các dàn xếp tạm thời có tính chất thực tiễn và sẽ không gây phương hại hay cản trở việc ký kết các thỏa thuận cuối cùng trong giai đoạn quá độ này. Các dàn xếp tạm thời không phương hại đến việc phân định cuối cùng.

4. Khi một điều ước đang có hiệu lực giữa các quốc gia hữu quan, các vấn đề liên quan đến việc hoạch định ranh giới vùng đặc quyền kinh tế/thêm lục địa được giải quyết theo đúng điều ước đó.

Trong vụ thêm lục địa biển Bắc, ICJ đã đưa ra phán quyết chứa đựng nhiều điểm quan trọng

trong đó bao gồm định nghĩa quan trọng về khái niệm công bằng và những yếu tố ảnh hưởng đến việc đảm bảo thực hiện nguyên tắc này trong phân định như tỷ lệ giữa các khu vực thêm lục địa được phân định với chiều dài bờ biển, các vấn đề về các đặc điểm của bờ biển tác động tới đường trung tuyến, về bản chất của thêm lục địa là sự kéo dài tự nhiên của lãnh thổ lục địa... Tòa cũng đã cho rằng phương pháp đường trung tuyến tuyệt đối (chia đều) không phải là bắt buộc đối với các bên [2].

Như vậy, từ những quy tắc được quy định trong UNCLOS và thực tiễn phân định, công bằng với vai trò là một nguyên tắc nền tảng được áp dụng trong phân định thêm lục địa nói riêng và phân định biển nói chung giữa các quốc gia có bờ biển tiếp liền hoặc đối diện, bao hàm các nội dung cơ bản sau đây:

*Thứ nhất*, công bằng không nhất thiết phải là bằng nhau về mặt diện tích phân định; công bằng phải phản ánh thực tế của tất cả các hoàn cảnh đặc thù hiện diện trong khu vực có giá trị hiệu lực đến việc phân định như: sự tồn tại của đảo trong khu vực phân định; hình dạng bờ biển khúc khuỷu, lồi lõm; sự hiện diện của yếu tố lịch sử;...

*Thứ hai*, công bằng cũng có thể được nhìn nhận dưới khía cạnh phản ánh kết quả phân định biển được coi là “có thể chấp nhận” giữa các bên dựa trên tính tỷ lệ giữa chiều dài bờ biển và diện tích phân định mặc dù trong quá trình thỏa thuận phân định, các bên đã thực hiện những trao đổi, nhượng bộ mang tính chính trị - ngoại giao hoặc pháp lý khác nhau. Ở phương diện này sự công bằng thực chất dễ bị lạm dụng và xâm phạm, đặc biệt trong phân định vùng chồng lấn giữa một bên là quốc gia lớn, bên còn lại là quốc gia nhỏ yếu.

*Thứ ba*, trước khi tiến đến phân định dứt điểm vùng chồng lấn, trong thời gian “quá độ”,

các bên có thể thỏa thuận hợp tác khai thác tài nguyên tại vùng chồng lấn. Các thỏa thuận này cũng cần đạt tới kết quả công bằng trong việc cùng khai thác và phân chia nguồn lợi khai thác, trong đó có tính đến tỷ lệ đóng góp và trách nhiệm giữa các bên. Ngoài ra, các bên cũng không được thực hiện những hành vi “có thể gây phương hại” hoặc “cản trở” việc đạt tới một thỏa thuận phân định cuối cùng được dựa trên nguyên tắc công bằng.

*Thứ tư*, trường hợp các bên không thể đi đến thỏa thuận trong thời gian hợp lý thì có thể sử dụng các thủ tục nêu ở phần XV UNCLOS (giải quyết tranh chấp) để giải quyết tranh chấp về phân định. Việc lựa chọn các thủ tục này nhằm đi đến giải quyết dứt điểm tranh chấp và đưa ra một ranh giới phân định cuối cùng giữa các bên.

## **2. Nguyên tắc công bằng trong thực tiễn phân định thềm lục địa và các vùng biển tại các thiết chế tài phán quốc tế**

Nội dung cụ thể của nguyên tắc công bằng không được quy định cụ thể trong các văn kiện pháp lý quốc tế, kể cả UNCLOS. Tuy nhiên, thực tiễn giải quyết tranh chấp tại các thiết chế tài phán quốc tế như ICJ, Tòa án quốc tế về Luật biển (ITLOS) đã làm sáng tỏ rất nhiều khía cạnh nội dung của nguyên tắc này như: hoàn cảnh đặc thù, giá trị của các hoàn cảnh đặc thù, việc lựa chọn phương pháp phân định để đảm bảo kết quả công bằng cho các bên,...

Dựa trên các phán quyết của các cơ quan tài phán quốc tế có thể thấy rằng, các hoàn cảnh đặc thù có ảnh hưởng trực tiếp và đóng vai trò quan trọng trong phân định thềm lục địa nói riêng và phân định biển nói chung, tác động trực tiếp đến kết quả phân định công bằng cho các bên. Thực tiễn giải quyết tranh chấp của các

thiết chế tài phán quốc tế cho thấy, tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể mà giá trị hiệu lực của các hoàn cảnh đặc thù được vận dụng khác nhau. Các hoàn cảnh chính sau thường được các thiết chế tài phán quốc tế xem xét đến: yếu tố địa lý, địa mạo (sự hiện diện của đảo; yếu tố tỷ lệ); hình dạng bờ biển; sự thay đổi xu thế của bờ biển; yếu tố kinh tế; yếu tố truyền thống đánh cá; yếu tố chính trị; yếu tố an ninh; quốc phòng; ...

### *2.1. Hình dạng bờ biển phức tạp lồi lõm, khúc khuỷu, hướng chung của bờ biển bị thay đổi đột ngột*

Trong vụ phân định thềm lục địa Biển Bắc năm 1969, Tòa án đã coi dạng chung của bờ biển của các bên (CHLB Đức, Đan Mạch, Hà Lan) là hoàn cảnh đặc biệt. Bởi vì, Tòa án nhận thấy rằng bờ biển của Đan Mạch và Hà Lan lồi còn bờ biển của Đức tuy không dài lắm nhưng quanh co, khúc khuỷu, ăn lõm hơn và cắt giảm đáng kể là phần kéo dài tự nhiên của bờ biển mà nước này xứng đáng được hưởng. Bởi vậy, Tòa án đưa ra quan điểm rằng phân định phải dựa trên việc xem xét những nhân tố liên quan để đem lại kết quả công bằng, và Tòa đã bác bỏ phương pháp đường cách đều [2].

Vụ phân định thềm lục địa giữa Tunisia và Libyan năm 1982, bờ biển của Tunisia có đặc điểm bất thường là hướng đi chung của nó bị thay đổi đột ngột. Xuất phát từ biên giới giữa hai nước, bờ biển của Tunisia chạy theo hướng Tây Bắc cho đến điểm lõm sâu nhất vào bờ của Vịnh Gabes thì đột ngột chuyển theo hướng Đông Bắc, hướng gần như vuông góc với hướng ban đầu. Do vậy, khi phân định ranh giới biển giữa hai quốc gia cần chia làm hai phân đoạn để phù hợp với sự thay đổi chung của đường bờ biển Tunisia [3].

Trong vụ Guinea/Guinea-Bissau 1985, hình dạng bờ biển một lần nữa đóng vai trò rất quan

trọng. Tòa Trọng tài đã nhận thấy rằng, nếu đưa ra cùng nhau thì bờ biển của hai quốc gia hơi lồi so với hình dạng lồi của bờ biển của Guinea-Bissau. Tuy hình dáng lồi của bờ biển mỗi quốc gia được coi là hoàn cảnh có liên quan, nhưng Tòa đi đến một quyết định nên đưa vào bản kê tất cả hình dáng bờ biển của Tây Phi, mà những bờ biển đó chắc chắn lồi. Trong tình huống này, Tòa đã kết luận “*nếu Sierra Leone được đưa vào cân nhắc thì có 3 quốc gia liền kề dọc theo bờ biển lồi, phương pháp cách đều sẽ là trở ngại trong việc đạt được kết quả công bằng giữa các quốc gia*” [4].

## 2.2. Sự hiện diện của đảo

Việc phân định biển sẽ rất phức tạp khi trong khu vực tranh chấp xuất hiện các đảo. Sự tồn tại của một đảo hoặc các đảo trong khu vực phân định có thể tác động làm sai lệch đường phân định. Thông thường, tùy vào từng trường hợp mà các bên hay Tòa án sẽ dựa vào các yếu tố đặc trưng về địa lý của đảo, nếu một đảo xuất hiện như một phần không thể thiếu của hình dạng chung của bờ biển thì sẽ có hiệu lực toàn bộ. Nếu nó chỉ có những yếu tố đảo đó chỉ có hiệu lực một phần hoặc không có hiệu lực. Ngoài ra, kích thước, vị trí, ý nghĩa kinh tế, chính trị của đảo là yếu tố quan trọng trong quá trình phân định.

Trường hợp các đảo nằm sát bờ, cách bờ một khoảng từ 12 đến 24 hải lý và không nằm quá sang phía bên kia của đường trung tuyến giữa hai bờ thì thông thường người ta coi các đảo này một phần của đất liền và chúng được tính với toàn bộ hiệu lực trong phân định. Trường hợp các đảo xa bờ, nhất là khi chúng nằm hẳn sang phía bên kia của đường trung tuyến giữa hai bờ, các đảo thường được coi là nhân tố tạo ra sự bất bình đẳng vì chúng làm vi phạm nguyên tắc không cản trở sự kéo dài tự nhiên lục địa của quốc gia khác ra biển.

### a) Trường hợp đảo không có hiệu lực

Trong thực tiễn phân định biển giữa các quốc gia cũng như trong các phán quyết của Tòa án hay Trọng tài quốc tế, số lượng các đảo bị bỏ qua không tính đến hiệu lực khá nhiều. Phương pháp phân định bỏ qua hiệu lực của các đảo có thể áp dụng trong hoàn cảnh sau:

- Đảo nằm tách biệt cách xa khu vực đường phân định đi qua.
- Các đảo nằm giữa khu vực đường trung tuyến đi qua.

Các đảo nằm trong giới hạn 12 hải lý cách đường cách đều được vạch ra không dùng các đảo này làm điểm cơ sở. Các đảo này thường nhỏ, không sinh sống trên đó và ở các nước vùng hẹp như kênh, eo biển, biển nửa kín. Trong trường hợp phân định thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế, những đảo này bị bỏ qua nhưng có thể vẫn được hưởng một vành đai lãnh hải [5].

- Các đảo tương ứng hai bên đều có.

Trong khu vực phân định có thể hai bên có các đảo các vị thế tương ứng như nhau. Nếu tính đến hiệu lực của chúng thì các hiệu lực này sẽ có giá trị tương ứng và triệt tiêu lẫn nhau. Để đạt được một đường phân định đơn giản cho công tác quản lý người ta có thể thống nhất bỏ qua hiệu lực của các đảo này.

- Các đảo nằm bên phía bên kia của đường phân định.

- Các đảo đang bị tranh chấp hay chưa xác định được chủ quyền (thông thường, các tranh chấp này liên quan đến các đảo nhỏ ngoài khơi xa, không có dân sinh sống nhưng lại có thể ảnh hưởng tới đường biên giới biển theo đường cách đều. Do đó, việc giải quyết đường biên giới ở những trường hợp như vậy thường là bỏ qua hiệu lực các đảo này).

Trường hợp các đảo không có hiệu lực dựa trên sự thỏa thuận của các bên hữu quan có thể

kể đến ở đây, như các đảo nhỏ của Iran và Qatar (Hiệp định ký giữa Iran và Qatar ngày 20/9/1969); các đảo Fokur, Bani Fokur, Bani Tamb, TambeBozorg (Hiệp định ký kết giữa Iran và các tiểu vương quốc Arập thống nhất tháng 8/1974). Một số đảo tuy có lãnh hải riêng song cũng không được tính hiệu lực, ví dụ như đảo Farsi của Iran, đảo Al Arabiya của A-rập Xê-út có lãnh hải 12 hải lý (theo Hiệp định 24/10/1968 Iran - A-rập Xê-út); đảo Sirri của Iran có lãnh hải 12 hải lý (theo Hiệp định 31/8/1974 - các tiểu vương quốc Arập thống nhất); hai đảo nhỏ của Liên Xô (cũ) (Nghị định thư giữa Liên Xô cũ và Na Uy ngày 29/11/1957).

Trong các phán quyết của Tòa án và Trọng tài quốc tế, các đảo nhỏ cũng thường bị bỏ qua, như: đảo Abu Musa không có hiệu lực đối với đường phân định (Vụ phân định thêm lục địa giữa Libyan - Tunisia năm 1982 [3])...

#### *b) Trường hợp đảo có hiệu lực một phần*

Tùy từng trường hợp cụ thể mà các quốc gia hữu quan thỏa thuận cho một đảo hoặc một nhóm đảo trong vùng phân định được một phần hiệu lực. Phần hiệu lực này có thể là một nửa, một phần ba hay số phần bất kỳ nào đó so với hiệu lực toàn phần. Sự tồn tại của các đảo có hiệu lực một phần là kết quả của việc thương lượng giữa các quốc gia liên quan.

Trong thực tiễn phân định biển giữa các quốc gia, rất nhiều trường hợp các đảo chỉ nhận được một phần hiệu lực, tiêu biểu như đảo Karg của Iran hưởng 1/2 hiệu lực trong phân định thêm lục địa (Hiệp định năm 1968 giữa Iran và Ả rập Saudi); các đảo Sorlingue 1/2 hiệu lực (Vụ thêm lục địa giữa Pháp và Vương Quốc Anh năm 1977); đảo Kerkennah hưởng 1/2 hiệu lực (Trường hợp phân định biển giữa Libyan - Tunisia năm 1982); các đảo Natura hưởng hiệu lực 56% đến 86% phụ thuộc vào khoảng cách

tới bờ (Hiệp định giữa Indonesia và Malaysia năm 1969); đảo Thổ Chu (Việt Nam) hưởng 32,5% hiệu lực (Hiệp định phân định biển Việt Nam - Thái Lan ngày 09/8/1997), đảo Cồn Cỏ (Việt Nam) hưởng 50% hiệu lực, đảo Bạch Long Vĩ (Việt Nam) hưởng 25% hiệu lực (Hiệp định phân định Lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và Thêm lục địa trong Vịnh Bắc Bộ Việt Nam - Trung Quốc ngày 25/12/2000)

#### *c) Trường hợp đảo có hiệu lực toàn phần*

Các đảo có hiệu lực toàn phần thường là các đảo lớn, có đủ điều kiện để xác lập một vùng đặc quyền kinh tế và thêm lục địa riêng. Bên cạnh đó vị trí các đảo cũng sẽ quyết định hiệu lực của nó trong phân định. Các đảo nằm sát bờ, cách bờ một khoảng cách từ 12 đến 24 hải lý và không nằm quá sang phía bên kia đường trung tuyến giữa hai bờ thường được tính toàn bộ hiệu lực trong phân định vì được coi là một phần đất liền.

### 2.3. Yếu tố tỷ lệ

Khái niệm tỷ lệ đóng vai trò quan trọng trong nhiều lĩnh vực khác nhau của luật quốc tế nói chung và luật biển quốc tế nói riêng, và nhất là đối với phân định biển. Theo đó, trong quá trình phân định cần phải quan tâm đến tỷ lệ giữa vùng nước, vùng thêm lục địa của từng quốc gia so với chiều dài tương ứng của bờ biển mỗi quốc gia đó.

Trường hợp phân định thêm lục địa Biển Bắc năm 1969 là trường hợp phân định biển đầu tiên giữa các quốc gia liên kề áp dụng khái niệm tỷ lệ. CHLB Đức đã trình bày rõ ràng khái niệm này bởi Đức cho rằng mỗi nước có liên quan cần phải được hưởng phần phân chia công bằng và thích đáng trong thêm lục địa hiện hữu, sao cho cân đối với chiều dài bờ biển của mỗi nước. ICJ cũng cho rằng: “*Yếu tố cuối cần phải xem xét là tỷ lệ hợp lý giữa diện tích của thêm lục địa thuộc các quốc gia có liên quan và*

chiều dài bờ biển của các nước ấy mà một sự phân định ranh giới được thực hiện theo các nguyên tắc công bằng” [2].

Như vậy, trong phân định biển, yếu tố tỷ lệ được sử dụng với hai mục đích: thứ nhất, nó là yếu tố cần phải tính đến và kết hợp với các yếu tố khác nhằm tìm ra phương thức phân định tạo hiệu quả công bằng; thứ hai, yếu tố tỷ lệ dùng để kiểm tra lại kết quả phân định [6].

Trong trường hợp phân định thêm lục địa giữa Tunisia và Libyan năm 1982, ICJ tuyên bố rằng “Toà xem tỷ lệ là một yêu cầu của phương pháp chính để đảm bảo việc phân định biển công bằng giữa các quốc gia liên quan”, theo đó thì tỷ lệ chiều dài bờ biển có liên quan của Libyan và Tunisia là 31:69, còn tỷ lệ diện tích thêm lục địa là 40:60. Toà nhận thấy rằng nó hoàn toàn phù hợp với tiêu chuẩn tỷ lệ [3]. Tương tự như trong vụ thêm lục địa Vịnh Maine năm 1984 giữa Hoa Kỳ và Canada, tỷ lệ chiều dài bề mặt bờ biển 1,38:1 khá cân đối so với tỷ lệ diện tích thêm lục địa 1,32:1 [7].

Trường hợp phân định biển giữa Guinea/Guinea-Bissau năm 1985, Toà Trọng tài đã tuyên bố rằng “tỷ lệ cần phải được xem xét trong sự đánh giá là các nhân tố tham gia vào việc tìm ra kết quả công bằng” [3]. Toà án cũng chỉ rõ rằng vai trò của tỷ lệ không phải chỉ đơn giản là những con số máy móc phản ánh chiều dài bờ biển mà nó có vai trò quan trọng trong việc xác định mức độ hợp lý của phân định. Do vậy, tỷ lệ cũng được xem như một dạng hoàn cảnh đặc biệt khác có liên quan đến quá trình phân định biển.

Tuy nhiên, việc xuất hiện tỷ lệ hợp lý trong các trường hợp phân định biển chưa chắc đã là một kết quả công bằng. Tiêu biểu là trường hợp phân định ranh giới biển giữa Đan Mạch và Na Uy năm 1993. Tỷ lệ giữa chiều dài bờ biển và diện tích các vùng biển của hai nước cho thấy sự mất cân đối song vẫn chấp nhận được do kết

quả phân định phù hợp với nguyên tắc công bằng [8].

#### 2.4. Các hoàn cảnh khác

##### a) Yếu tố địa chất, địa mạo

Yếu tố địa chất, địa mạo đóng vai trò nhất định trong phân định biển, làm rõ hơn các căn cứ và lập luận của các bên liên quan đến ranh giới phạm vi vùng biển chồng lấn. Trong vụ phân định biển giữa Tunisia và Libyan năm 1982, cả hai quốc gia đều viện dẫn đến yếu tố sự kéo dài tự nhiên như nền tảng để phân định thêm lục địa và theo đó yếu tố địa chất và địa mạo là hoàn cảnh có liên quan đến phân định [3]. Tương tự như vậy, trong quá trình phân định thêm lục địa Biển Bắc, Toà án cũng tính tới yếu tố địa mạo liên quan đến rãnh sâu Na Uy, theo đó, Toà cho rằng thêm lục địa của bất kỳ quốc gia nào cũng phải là sự kéo dài tự nhiên của lãnh thổ đất liền của quốc gia đó và không được cản trở sự kéo dài tự nhiên của lãnh thổ đất liền của nước khác [2].

Trong vụ thêm lục địa Biển Bắc 1969 và vụ Vịnh Maine 1884, Toà cho rằng khái niệm “gần kề” không có nội hàm tương tự với khái niệm “phần kéo dài tự nhiên” của thêm lục địa, do đó, không thể dựa vào khái niệm “gần kề” để yêu sách phân chia thêm lục địa theo hướng những phần gần nhất cho các quốc gia có bờ biển liền kề đó [2, 7].

Tuy nhiên, yếu tố địa chất, địa mạo không phải lúc nào cũng ảnh hưởng đến việc phân định biển. Nhiều trường hợp Toà án và Trọng tài đều không coi yếu tố địa chất, địa mạo là hoàn cảnh đặc biệt có liên quan đến phân định biển. Tuy nhiên, các quốc gia vẫn có thể yêu sách về thêm lục địa trong giới hạn 200 hải lý căn cứ vào sự kéo dài tự nhiên của thêm lục địa được quy định tại Điều 76 Công ước Luật biển 1982. Trong tình huống mà hai quốc gia liền kề

tiến hành phân định thêm lục địa trong giới hạn 200 hải lý, các quốc gia có thể sử dụng sự tồn tại của yếu tố địa chất như vùng lõm hoặc rãnh sâu là đường biên giới tự nhiên của thêm lục địa giữa hai quốc gia.

Trong vụ tranh chấp phân định biển giữa Tunisia - Lybian 1982, Tòa đã đưa ra các khẳng định [3]:

- Nguyên tắc sự “kéo dài tự nhiên của lãnh thổ đất liền” không phải là cơ sở để xác định độ rộng của thêm lục địa trong trường hợp thêm lục địa chồng lấn là vùng thêm lục địa duy nhất của cả hai bên.

- “Vùng rạn nứt” không thể tạo ra một gián đoạn cơ bản chấm dứt một phần thêm lục địa mở rộng như thể đó là một ranh giới tự nhiên được.

- Đặc điểm địa chất của đáy biển và lòng đất dưới đáy biển tương ứng không phải là yếu tố quyết định cho việc xác định thêm lục địa, trong mọi trường hợp, thêm lục địa của quốc gia ven biển mở rộng đến phạm vi 200 hải lý.

#### *b) Hoàn cảnh kinh tế*

Yếu tố kinh tế có thể đóng vai trò quan trọng trong quá trình thương lượng phân định biển giữa các quốc gia, bởi vì nó thường gắn liền với nguồn tài nguyên thiên nhiên trong vùng tranh chấp. Vì vậy, vị trí của các nguồn tài nguyên khoáng sản trong khu vực phân định là yếu tố cần xem xét, ngoài ra với việc công nhận vùng đặc quyền kinh tế rộng 200 hải lý thì các nguồn tài nguyên khoáng sản không phải là mối quan tâm duy nhất, các nguồn tài nguyên sinh vật trong cột nước đặc biệt là các đàn cá di cư cũng hết sức quan trọng. Thậm chí có nhiều Hiệp định chỉ được ký kết nhằm phân định vùng cột nước mà không phân định vùng đáy biển.

Trong vụ Guinea/Guinea-Bissau, Tòa Trọng tài đã nhấn mạnh rằng sự quan tâm về kinh tế của cả hai phía nên đi tới một sự hợp tác cùng có lợi cho cả hai nước. Nhờ đó, hai bên đã gặp

n nhau tại Kamsar vào tháng 3/1986 và đã thoả thuận được một tuyên bố chung cùng nhau phát triển, khai thác nguồn tài nguyên biển trong khu vực cần phân định vì lợi ích của nhân dân hai nước [4]. Trong phân định biên giới biển giữa Đan Mạch và Nauy, một Ủy ban hoà giải đã được lập bởi hai bên đã đề nghị tính tới quyền lợi kinh tế mạnh của Iceland trong các vùng biển này [8].

Tuy nhiên, yếu tố kinh tế cũng bị bác bỏ trong nhiều trường hợp. Trong vụ Vịnh Maine 1984 khi quyết định một đường biên giới duy nhất cho cả vùng đặc quyền kinh tế và thêm lục địa giữa Hoa Kỳ và Canada, mặc dù cả hai bên đều quan tâm tới bãi cá Geogers nhưng Tòa lại bác bỏ lập luận về kinh tế của cả hai phía và cho rằng các yếu tố kinh tế, xã hội chỉ được tính đến trong các trường hợp đặc biệt khi áp dụng các phương pháp phân định thích hợp [7]. Trong trường hợp phân định thêm lục địa giữa Libyan/Malta năm 1985, Tòa cũng nêu rõ việc phân định không bị ảnh hưởng bởi tình trạng kinh tế tương ứng giữa hai quốc gia hữu quan theo cách thức nước thua thiệt hơn về kinh tế sẽ được nhiều hơn diệc tích phần thêm lục địa phân chia để xem như là sự bù đắp sự thua thiệt về các nguồn tài nguyên kinh tế [9].

#### *c) Yếu tố an ninh, quốc phòng*

Khi đưa một vụ việc ra Tòa án hoặc Tòa Trọng tài, các bên có quyền viện dẫn yếu tố an ninh, quốc phòng là yếu tố có ảnh hưởng đến phân định biển. Trong vụ phân định thêm lục địa Anh - Pháp, hai bên đều đưa ra yếu tố an ninh quốc phòng để bảo vệ quan điểm phân định của mình. Trong khu vực có các đảo của eo biển, Pháp cho rằng quyền lợi sống còn về an ninh quốc phòng của Pháp sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng nếu đường phân định do phía Anh đưa ra được chấp nhận vì đường này sẽ tách thêm lục địa của Pháp ra hai vùng riêng biệt.



Phía Anh có lập luận tương tự chống lại phía Pháp để bảo vệ một dải đáy biển nối liền các đảo trong eo biển với khu vực thềm lục địa chính của mình [10].

Vụ Libyan/Malta năm 1985, Malta yêu cầu Tòa phải có “*sự xem xét công bằng tới quyền lợi quốc phòng, an ninh của Malta*” nhưng Tòa cho rằng đường phân định mà Tòa đưa ra không quá gần bờ biển của bất cứ bên nào nên vấn đề an ninh, quốc phòng không có liên quan [9].

Ngoài ra các hoàn cảnh sau cũng có thể có ảnh hưởng đến quá trình phân định biển như lịch sử danh nghĩa, yếu tố quản lý của Nhà nước, yếu tố giao thông hàng hải, yếu tố văn hoá - chính trị, yếu tố các quốc gia bất lợi về mặt địa lý, yếu tố truyền thống đánh cá... cũng có thể ảnh hưởng đến quá trình phân định.

#### *d) Yếu tố môi trường sinh thái*

Hoa Kỳ đã yêu cầu xem xét yếu tố này trong vụ Vịnh Maine (1984). Để có sự thuyết phục cho yêu cầu này, Hoa Kỳ đã chứng minh rằng rãnh Đông Bắc không chỉ là một đặc điểm địa lý tự nhiên mà còn là ranh giới tự nhiên của những vùng có chế độ đại dương và sinh thái khác nhau nhưng không được Tòa xem xét chấp nhận [7].

#### *e) Các công trình cảng, nhà tạm và bãi cạn lúc nổi lúc chìm*

Các công trình cảng, nhà tạm và bãi cạn lúc nổi lúc chìm đôi khi được sử dụng làm điểm cơ sở để xác định các đường ranh giới. Trong Hiệp định phân định thềm lục địa Anh - Pháp ngày 24/6/1982, các công trình cảng cố định và các bãi cạn lúc nổi lúc chìm trong giới hạn 12 hải lý kể từ đường bờ biển của quốc gia hữu quan đã được sử dụng làm điểm cơ sở.

Ngoài các hoàn cảnh nêu trên còn có các hoàn cảnh hữu quan khác ảnh hưởng đến quá trình phân định biển, như yếu tố quốc gia bất lợi

về mặt địa lý, yếu tố truyền thống đánh cá, yếu tố giao thông hàng hải, sự thay đổi hướng của bờ biển, điểm nút của biên giới đất liền...

### **3. Vận dụng nguyên tắc công bằng trong thực tiễn phân định thềm lục địa tại Việt Nam**

Thềm lục địa của Việt Nam hiện nay đang có nhiều khu vực chồng lấn với các nước khác: vùng chồng lấn giữa Việt Nam và Trung Quốc phía ngoài cửa Vịnh Bắc Bộ; vùng chồng lấn giữa Việt Nam và Campuchia; vùng chồng lấn giữa Việt Nam, Indonesia và Thái Lan trong Vịnh Thái Lan rộng khoảng 876 km<sup>2</sup> [11]; vùng chồng lấn giữa Việt Nam và Malaysia phía Tây Nam biển Đông rộng khoảng 2.800 km<sup>2</sup> [11]. Đặc biệt là tại Biển Đông, có sự hiện diện của hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đang là đối tượng của tranh chấp chủ quyền giữa nhiều quốc gia trong khu vực, cùng với đó là sự tồn tại của yêu sách đường chữ U bất hợp pháp của Trung Quốc. Do đó, đối với việc phân định thềm lục địa tại những khu vực này, với những khu vực mà bờ ngoài thềm lục địa tự nhiên Việt Nam mở rộng quá 200 hải lý từ đường cơ sở có sự chồng lấn với các nước láng giềng, có thể căn cứ vào các đặc điểm địa lý, địa chất để đi tới một giải pháp phân định công bằng và đảm bảo quyền lợi cho Việt Nam. Ngoài ra, Việt Nam cần kiên trì, chủ động giữ vững lập trường phản bác tính phi pháp của đường chữ U trong các thỏa thuận tay đôi hoặc sử dụng các biện pháp pháp lý; cũng như tổ chức các cuộc điều tra, nghiên cứu về tình trạng pháp lý của các đảo, quần đảo trên Biển Đông nhằm vô hiệu hóa ý đồ “trách chấp hóa” vùng không có tranh chấp về thềm lục địa nổi riêng và các vùng biển nói chung giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Đối với những vùng thềm lục địa có sự chồng lấn giữa Việt Nam và bên hữu quan khi bờ biển cách nhau chưa tới 400 hải lý, Việt

Nam cần vận dụng đa các phán quyết của các cơ quan tài phán quốc tế để tận dụng ưu thế về sự kéo dài tự nhiên của thềm lục địa nước mình. Nếu biết tận dụng hiệu quả các căn cứ này, Việt Nam sẽ giành được những thành quả quan trọng trong việc xác định và khẳng định quyền chủ quyền của nước mình ở thềm lục địa.

Bên cạnh đó, đối với những hành vi tôn tạo, xây lấp, bồi đắp một cách phi pháp các bãi ngầm Gạc Ma, Chữ Thập, Châu Viên... tại quần đảo Trường Sa trong thời gian gần đây của Trung Quốc<sup>4</sup>, Việt Nam ngoài việc lên tiếng mạnh mẽ phản đối các hành vi nêu trên, cần chủ động và tích cực thực hiện các bước đi nhanh chóng và phù hợp nhằm khởi kiện Trung Quốc tại các thiết chế tài phán quốc tế để chấm dứt các hành vi phi pháp này. Đây là những hành vi không chỉ xâm phạm trắng trợn chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Trường Sa mà còn vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc công bằng trong phân định biển khi những hành vi này đã và đang gây nguy hại và cản trở cho việc ký kết một thỏa thuận phân định cuối cùng như Điều 74, 83 của UNCLOS đã quy định. Điều này là đặc biệt quan trọng khi Trung Quốc đang bộc lộ mưu đồ “đảo hóa” các bãi ngầm nhằm hướng đến việc tạo ra quyền lợi pháp lý 200 hải lý vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa cho các bãi ngầm này nhằm hiện thực hóa đường chữ U. Nếu Trung Quốc thành công trong việc bồi đắp các bãi ngầm này, Việt Nam sẽ xem như vĩnh viễn mất đi lợi thế của việc chủ động xác định tình trạng pháp lý của đảo, cũng như không thể có một phán quyết khách quan, nhanh chóng để chấm dứt các hành vi “thay đổi hiện trạng” phi pháp của Trung Quốc. Trong tương lai, Việt Nam sẽ bị đặt “vào thế đã rồi” và sẽ rất khó khăn cho Việt Nam trong việc

chứng minh tình trạng pháp lý của các đảo nhân tạo mà Trung Quốc tạo ra từ các bãi ngầm khi các hành vi tôn tạo đã hoàn thành. Điều này sẽ dẫn Việt Nam đến sự nguy hiểm của việc đánh mất vị trí chiến lược trong việc sử dụng các biện pháp pháp lý khi khởi kiện Trung Quốc và từ đó đánh mất lợi thế trong việc bảo vệ chủ quyền tối cao của mình tại biển Đông.

### Tài liệu tham khảo

- [1] D.H. Anderson, Maritime Boundaries and Limits: Some Basic Legal Principles, Báo cáo tại Hội nghị “Accuracies and Uncertainties in Maritime Boundaries and Outer Limits” tại Monaco, 2001.
- [2] International Court of Justice, Report of North Sea Continental Shelf case, Judgment of 20 February, 1969.
- [3] International Court of Justice, Report of Continental Shelf Case (Tunisia v. Libyan Arab Jamahiriya), Judgement of of 24 February, 1982.
- [4] Aquarone, M-C, The 1985 Guinea/Guinea-Bissau Maritime Boundary Case and its Implications, 26 Ocean Development and Internaitonal Law, 1995, 443.
- [5] Internationl Court of Justice, State Practice, Vol.12/12/1983.
- [6] Nguyễn Bá Diên, Vấn đề Phân định biển trong Luật biển Quốc tế hiện đại, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 4, (2009)
- [7] International Court of Justice, Report of Delimitation of the Maritime Boundary in the Gulf of Maine Area Case (Canada v. United States of America), Judgement of 12 October, 1984.
- [8] International Court of Justice, Report of Delimitation in the Area between Greenland and Jan Mayen (Denmark v. Norway), Judgment of 14 June, 1993.
- [9] International Court of Justice, Report of Continental Shelf Case (Libyan Arab Jamahiriya v. Malta), Judgement of 3 June, 1985.
- [10] Hiran W.Jayewardene, TheRegime of Islands in International Law, Martius Nijhoff Publishers, London, 1989.
- [11] Nguyễn Bá Diên, Nguyễn Hùng Cường, Thềm Lục Địa trong Pháp Luật Quốc tế (Sách chuyên khảo), NXB Thông tin và Truyền thông, 2012.

<sup>4</sup> <http://vnexpress.net/tin-tuc/the-gioi/trung-quoc-xay-dao-o-truong-sa-de-lam-can-cu-radar-3111043.html>  
<http://dantri.com.vn/the-gioi/trung-quoc-xay-dao-nhan-tao-phi-phap-tai-truong-sa-nhu-the-nao-1002032.htm>

## The Equitable Principle in the Delimitation of the Continental Shelf in Modern International Law

Nguyễn Hùng Cường

*VNU School of Law, 114 Xuân Thủy Street, Cầu Giấy, Hanoi, Vietnam*

**Abstract:** The principle is the fundamental principle of maritime delimitation in general and continental shelf delimitation in particular. This paper focuses on analyzing the contents of the principle in the process of development of international law of the sea, practical application of this principle on the delimitation of the continental shelf and the waters at the international judicial institutions, and thereby make recommendations and suggestions for the application of the equitable principle to the matter of delimitation of the continental shelf in Vietnam.

*Keywords:* Equitable principle; marine delimitation, delimitation of the continental shelf.